

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

Số: 846 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 08 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Di dời, nâng cấp đường dây 110kV từ ngăn lộ 172E15.10 trạm 220kV Đô Lương và 171E15.4 trạm 110kV Đô Lương đoạn từ Xuân Sơn, Lạc Sơn, Thịnh Sơn, Văn Sơn, Yên Sơn huyện Đô Lương; điều chỉnh hạ ngầm tuyến 35kV đường dây 374 E15.4, 376 E15.4 từ trạm 110kV Đô Lương đến vị trí số 4

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Di dời, nâng cấp đường dây 110kV từ ngăn lộ 172E15.10 trạm 220kV Đô Lương & 171E15.4 trạm 110kV Đô Lương đoạn từ Xuân Sơn, Lạc Sơn, Thịnh Sơn, Văn Sơn, Yên Sơn huyện Đô Lương; điều chỉnh hạ ngầm tuyến 35kV đường dây 374 E15.4, 376 E15.4 từ trạm 110kV Đô Lương đến vị trí số 4 và Công văn số 665/UBND-QLDA ngày 27/3/2024 của UBND huyện Đô Lương về việc đề nghị trình phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 2083/STNMT-BVMT ngày 05/4/2024.


QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Di dời, nâng cấp đường dây 110kV từ ngăn lộ 172E15.10 trạm 220kV Đô Lương & 171E15.4 trạm 110kV Đô Lương đoạn từ Xuân Sơn, Lạc Sơn, Thịnh Sơn, Văn Sơn, Yên Sơn huyện Đô Lương; điều chỉnh hạ ngầm tuyến 35kV đường

dây 374 E15.4, 376 E15.4 từ trạm 110kV Đô Lương đến vị trí số 4, (sau đây gọi tắt là Dự án) của UBND huyện Đô Lương (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Thịnh Sơn, Văn Sơn, Yên Sơn và thị trấn Đô Lương (huyện Đô Lương) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Công Thương; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Đô Lương; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn: Thịnh Sơn, Văn Sơn, Yên Sơn và Đô Lương (huyện Đô Lương) và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Phó Chủ tịch (NN) UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu VT.NN(V).



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đệ

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN
DI DỜI, NÂNG CẤP ĐƯỜNG DÂY 110KV TỪ NGĂN LỘ 172E15.10
TRẠM 220KV ĐÔ LƯƠNG VÀ 171E15.4 TRẠM 110KV ĐÔ LƯƠNG
ĐOẠN TỪ XUÂN SƠN, LẠC SƠN, THỊNH SƠN, VĂN SƠN, YÊN SƠN
HUYỆN ĐÔ LƯƠNG; ĐIỀU CHỈNH HẠ NGẦM TUYẾN 35KV ĐƯỜNG
DÂY 374 E15.4, 376 E15.4 TỪ TRẠM 110KV ĐÔ LƯƠNG ĐẾN VỊ TRÍ SỐ**

4

*(kèm theo Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 08/4/2024
của UBND tỉnh Nghệ An)*

1. Thông tin về Dự án.

1.1. Thông tin chung.

- Tên Dự án: di dời, nâng cấp đường dây 110kV từ ngăn lộ 172E15.10 trạm 220kV Đô Lương và 171E15.4 trạm 110kV Đô Lương đoạn từ Xuân Sơn, Lạc Sơn, Thịnh Sơn, Văn Sơn, Yên Sơn huyện Đô Lương; điều chỉnh hạ ngầm tuyến 35kV đường dây 374 E15.4, 376 E15.4 từ trạm 110kV Đô Lương đến vị trí số 4;

- Địa điểm thực hiện: xã Thịnh Sơn, Văn Sơn, Yên Sơn và thị trấn Đô Lương, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An;

- Chủ dự án: UBND huyện Đô Lương;

- Người đại diện: Hoàng Văn Hiệp - Chức vụ: Chủ tịch.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất.

- Đường dây 110KV:

+ Xây dựng mới tuyến đường dây 110kV mạch đơn từ vị trí cột 21 ĐZ 172E15.10 đi dọc theo đường quy hoạch đến điểm giáp ranh giữa xã Yên Sơn và thị trấn Đô Lương, từ đây tuyến mạch kép rẽ vào trạm 110kV Đô Lương dọc theo phía sau Bến xe huyện Đô Lương và chạy sát lối vào khu vực đền Đức Hoàng để một mạch cấp cho trạm 110kV Đô Lương và một mạch từ trạm 110kV Đô Lương đi Anh Sơn nối vào cột 22M (cột 22 mới) thuộc dự án GPMB khu đô thị;

+ Kết cấu sử dụng cột đơn thân loại 1 mạch và 2 mạch, dây dẫn tương đương dây hiện trạng (đúng quy hoạch điện tỉnh Nghệ An), cách điện đĩa thủy tinh PC70E-120kN, móng cột theo thiết kế và thực tế địa chất khu vực. Khối lượng sơ bộ tuyến mạch đơn dài 3,2km; tuyến mạch kép dài 1,5km;

+ Thu hồi toàn bộ tuyến cũ mạch đơn dài 8,1km đảm bảo mặt bằng sạch khu vực các xã Xuân Sơn, Lạc Sơn, Thịnh Sơn, Văn Sơn, Yên Sơn.

- Đường dây 35kV và 22kV:

+ Xây dựng mới 02 tuyến cáp 35kV (dài 1000 mét/mạch) từ trạm 110kV Đô Lương đi dọc theo đường nối từ cổng trạm 110kV Đô Lương cắt qua QL7 nối tiếp đường quy hoạch phía sau bến xe huyện Đô Lương để nối tiếp vào ĐZ 35kV hiện có, đối với ĐZ 376E15.4 có một phần sẽ nối tiếp với dự án hạ ngầm hiện có;

+ Đối với tuyến ĐZ cũ từ trạm 110kV Đô Lương đến cột 03 ĐZ 374&376E15.4 sẽ chuyển sang cấp 22kV, một phần để cấp điện cho TBA Ngân hàng NN&PTNT huyện Đô Lương và cũng để giải tỏa ĐZ 22kV sẽ trùng với ĐZ 110kV xây dựng mới;

+ Thu hồi phần ĐZ cũ không sử dụng.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư.

1.3.1. Các hạng mục công trình chính.

a) Phần đường dây 110kV tuyến chính:

Xây dựng vị trí cột số 01M, 02M, 03M, 04M, 05M, 06M, 07M, 08M, 09M, 10M, 11M, 12M và 13M để thay thế cho tuyến hiện có gồm vị trí 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31 và 32 thuộc đường dây 171E15.10 TBA 220kV Đô Lương-171E15.4 Đô Lương; vị trí từ vị trí 02 đến vị trí 21 thuộc đường dây 110kV 172E15.4 Đô Lương - 171E15.24 XM Sông Lam 2 với cấp điện áp 110kV; tổng chiều dài tuyến khoảng 4074.3m.

b) Phần trung áp đường dây 22kV lộ 472+474 E15.4:

Cải tạo, cấp trả lại nguồn 22kV cho lộ 472+474 E15.4 từ VT01 lộ 472+474 E15 chuyển sang vị trí 02 lộ 374+376 E15.4 (hiện trạng) sau đó chuyển sang VT03 XDM và 04 XDM (sát vị trí 04 hiện tại) đấu trả cho lộ 472+474 E15.4.

+ Số mạch: 02 mạch;

+ Chiều dài tuyến khoảng 200m;

+ Cải tạo thay cột tại vị trí 03 và 04 nâng cao khoảng cách tĩnh không vượt đường giao thông;

+ Thu hồi đường dây từ VT01 đến 03 lộ 472+474 E15.

c) Phần trung áp đường dây 35kV lộ 374+376 E15.4:

Hạ ngầm, kéo mới cáp ngầm 35kV-3x300mm² từ ngã xuất tuyến trong TBA 110kV Đô Lương, đi dọc theo bờ rào TBA 110kV Đô Lương, đi theo vỉa hè đường nội bộ, cắt qua Quốc lộ 7, đi theo đường nội thị đến khu vực VT05 lộ 374+376 E15.4 hiện trạng (đầu nối khớp nối cáp ngầm với dự án hạ ngầm của UBND huyện Đô Lương thực hiện):

+ Số mạch: 02 mạch;

+ Chiều dài khoảng 476m;

+ Thu hồi đường dây trên không từ VT03 đến VT05.

d) Nhánh rẽ cấp điện cho Trạm biến áp Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Đô Lương:

Chuyển đầu cấp vị trí cột 03 lộ 374+376E15.4 hiện trạng, sang vị trí cột 03 XDM (sát 03 lộ 374+376E15.4 hiện trạng) để có nguồn cấp 22kV với chiều dài khoảng 460m.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ.

a) Phần đường dây 110kV tuyến tạm:

Để giảm thời gian mất điện thi công khi xây dựng vị trí cột số 01M, cần thiết làm tuyến đường dây 110kV tuyến tạm như sau:

- Điểm đầu: Vị trí cột 26 hiện có;
- Điểm cuối: Vị trí cột 01M (xây dựng mới thuộc tuyến chính);
- Cấp điện áp: 110kV;
- Chiều dài: 89m.

b) Các hạng mục công trình, xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:

- Bố trí 01 công trường diện tích khoảng 100m², trong công trường sẽ bố trí lán trại tạm không ở lại qua đêm, kho vật liệu, bãi tập kết thiết bị;
- Bố trí 01 hố lắng kích thước LxBxH = 1,0m x 1,0m x 1,5m để thu gom nước thải thi công phát sinh từ hoạt động rửa xe, rửa thiết bị tại công trường.

1.3.3. Các hoạt động của dự án đầu tư.

- Giai đoạn thi công xây dựng:
 - + Hoạt động thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng, rà phá bom mìn;
 - + Hoạt động bóc lớp đất bề mặt tại diện tích đất lúa phát sinh đất hữu cơ khu vực thực hiện dự án;
 - + Vận chuyển khối lượng đất đá thải đến bãi thải tiếp nhận;
 - + Vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ thi công;
 - + Hoạt động xây dựng các hạng mục công trình chính, công trình phụ trợ và các hạng mục hạ tầng.
- Giai đoạn thi vận hành: vận hành, bảo trì tuyến đường dây.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường.

Dự án có 132,5 m² là đất trồng lúa nước 02 vụ phải thực hiện chuyển đổi mục đích sang loại đất khác để thực hiện dự án.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường.

2.1. Hạng mục công trình Dự án.

- Cải tạo, di dời, nâng cao khoảng cách pha đất các khoảng cột từ cột 16 đến 26 đường dây 171E15.10 TBA 220kV Đô Lương-171E15.4 Đô Lương; từ cột 01(trùng với cột 26 ĐZ 171E15.10 TBA 220kV Đô Lương-171E15.4 Đô Lương) đến cột 21 đường dây 110kV 172E15.4 Đô Lương - 171E15.24 XM Sông Lam 2;

- Hạ ngầm đường dây 35kV mạch kép lộ 374+376 TBA 110kV Đô Lương từ cột xuất tuyến đến cột 05 (đồng bộ với dự án khác thực hiện hạ ngầm từ cột 05 lộ 374+376 trở đi); chuyển đầu nối, cải tạo các TBA Văn Sơn 3, Bơm Văn Sơn 1,2, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Đô Lương sang nguồn 22kV do từ cột 01 đến 05 lộ 374+376 được hạ ngầm;

- Cải tạo đường dây 22kV mạch kép lộ 472+474 TBA 110kV Đô Lương từ cột 01 đến cột 04 (nâng cao tĩnh không).

2.2. Hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường.

a. Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Hoạt động thu hồi đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất;
- Dọn dẹp mặt bằng, phát quang thảm thực vật, phá dỡ bê tông móng cột trong phạm vi Dự án;

- Hoạt động bố trí công trường thi công; vận chuyển và tập kết nguyên vật liệu, đất hữu cơ, phế thải;

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình của Dự án.

b. Giai đoạn vận hành:

Phát sinh chất thải rắn từ các hoạt động duy tu, bảo dưỡng đường dây định kỳ; phát sinh thực bì từ phát trình kiểm tra chặt tĩa chiều cao thảm thực vật dưới hành lang tuyến đảm bảo khoảng cách an toàn.

3. Dự báo các tác động của môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư.

3.1. Nước thải, khí thải.

3.1.1. Nước thải.

a. Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt:

+ Nguồn phát sinh: từ hoạt động sinh hoạt của 20 công nhân thi công;

+ Quy mô: 1,6 m³/ngày;

+ Tính chất: chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), BOD₅, COD, các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật,...

- Nước mưa chảy tràn:
- + Nguồn phát sinh: nước mưa chảy tràn bề mặt diện tích khu vực thi công;
- + Quy mô: $0,00125 \text{ m}^3/\text{s}$;
- + Thành phần, tính chất: chủ yếu là chất rắn lơ lửng trên bề mặt như đất, đá, cát, sỏi...

- Nước thải thi công:
- + Nguồn phát sinh: từ vệ sinh dụng cụ lao động, máy móc, thiết bị;
- + Quy mô: khoảng $0,36 \text{ m}^3/\text{ngày}$;
- + Tính chất: cặn lơ lửng, vôi vữa, xi măng, có độ pH cao.

b. Giai đoạn vận hành: không phát sinh.

3.1.2. Bụi, khí thải.

a. Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Nguồn phát sinh: bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các thiết bị trong quá trình xây dựng và phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng làm tăng nồng độ và tải lượng các chất ô nhiễm như bụi và chất ô nhiễm dạng khí (CO_x , SO_2 , NO_x ,...).

- Thành phần: bụi, CO , NO_x , SO_2 , VOC_s ,...

b. Giai đoạn vận hành: không phát sinh.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại.

3.2.1. Chất thải rắn.

a. Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Chất thải sinh hoạt:
- + Nguồn phát sinh: từ hoạt động sinh hoạt của 20 công nhân thi công tại Dự án;
- + Quy mô: khoảng $10 \text{ kg}/\text{ngày}$;
- + Tính chất: gồm bao bì, nylon, hộp xốp, giấy vụn, bì carton,...
- Chất thải từ hoạt động đào hố móng, phá dỡ bê tông để thi công móng cột:
- + Quy mô: khoảng $685,31 \text{ m}^3$;
- + Thành phần: đất thải, bê tông phá dỡ.
- Chất thải từ hoạt động xây dựng:
- + Quy mô: khoảng $72,5 \text{ kg}/\text{ngày}$;
- + Thành phần: cát, đá, gạch, vữa, gỗ ván, đầu mẫu sắt thép, bao bì carton, nilon,...
- Khối lượng đất hữu cơ từ hoạt động bóc lớp đất bề mặt tại diện tích đất lúa:

- + Quy mô: khoảng 33,125 m³;
- + Thành phần: mùn, đất hữu cơ.

b. Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn từ hoạt động bảo dưỡng các máy móc thiết bị chủ yếu là sứ cách điện bị nứt, gioăng bị giãn, mẫu giấy cách điện bị rách, các thiết bị hư hỏng, máy móc hư hỏng, silicagen ước tính khoảng 1 kg/đợt sửa chữa;

- Chất thải rắn từ hoạt động định kỳ phải chặt tỉa, phát cành, ngọn những cây phát triển xâm phạm đến an toàn đường dây bên trong hành lang an toàn (HLAT), những cây bên ngoài HLAT có nguy cơ đổ hoặc cành cây ảnh hưởng đến HLAT (phát quang HLAT theo định kỳ).

3.2.2. Chất thải nguy hại.

a. Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Nguồn phát sinh: từ hoạt động của các thiết bị, máy móc thi công,...
- Quy mô: khoảng 6,25 kg/tháng;
- Thành phần chủ yếu: giẻ lau dầu mỡ, ắc quy thải, bóng đèn huỳnh quang sau sử dụng,...

b. Giai đoạn vận hành: không phát sinh.

3.3. Tiếng ồn, độ rung.

a. Giai đoạn thi công, xây dựng:

Phát sinh từ các phương tiện giao thông vận tải và máy móc thi công (máy đào, xe ô tô vận chuyển,...).

b. Giai đoạn vận hành: không phát sinh.

3.4. Tác động khác.

a. Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Hoạt động chiếm dụng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện Dự án làm suy giảm diện tích trồng lúa, gây ảnh hưởng tới đời sống, thu nhập, của các cá nhân bị mất đất;

- Hoạt động bóc lớp đất bề mặt tại diện tích đất lúa phát sinh đất hữu cơ với tổng khối lượng khoảng 33,125 m³;

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải có khả năng gây ảnh hưởng tới đến hệ sinh thái, hoạt động giao thông đường bộ, hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tổ chức, cá nhân khu vực Dự án và có nguy cơ xảy ra sự cố sụt lún, úng ngập, cháy nổ, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, cháy, nổ;

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất trật tự an ninh xã hội khu vực Dự án;

- Hoạt động của các phương tiện giao thông lưu thông trên tuyến phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải và nguy cơ xảy ra sự cố tai nạn giao thông.

b. Giai đoạn vận hành:

Ảnh hưởng của điện – từ trường sinh ra bởi điện áp, tuy nhiên dự án có hành lang an toàn nên giảm thiểu tác động này gây ra.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải.

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải.

a. Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Nước thải sinh hoạt: bố trí lắp đặt 01 nhà vệ sinh di động tại công trường thi công; có cấu tạo gồm 2 ngăn với dung tích bồn chứa 1200 lít và hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút, vận chuyển, xử lý khi đầy bể;

- Nước thải xây dựng:

+ Bố trí 01 khu rửa xe tại công ra vào công trường. Nước thải thi công phát sinh từ hoạt động rửa xe, thiết bị công trường được thu gom vào bể lắng có kích thước 1,0m x 1,0 m x 1,5m = 1,5m³. Tại bể lắng bổ sung vải thấm dầu để xử lý dầu mỡ từ xe chảy tràn ra. Vải thấm dầu định kỳ khoảng 1-2 tuần được thay một lần và được thu vào thùng chứa giặt lau dính dầu mỡ để xử lý như chất thải nguy hại. Nước thải thi công được tuần hoàn tái sử dụng, không thải ra môi trường;

+ Định kỳ nạo vét bùn cặn từ hố lắng sẽ và tận dụng để đắp các hạng mục công trình phụ trợ không đòi hỏi yêu cầu cao của vật liệu.

- Nước mưa chảy tràn:

+ Được dẫn vào hệ thống rãnh hở bề mặt, hố thu, qua song chắn rác trước khi thoát vào hệ thống thoát nước của khu vực. Tần suất nạo vét 1 tuần/lần vào mùa mưa và 1 tháng/lần vào mùa khô;

+ Hạn chế thi công vào mùa mưa lũ; thu gom, lắng lọc nước mưa chảy tràn vào hố lắng và rãnh thoát nước xung quanh khu vực thi công để lắng đọng bùn, đất trước khi nước thoát ra môi trường, đảm bảo lưu thông dòng chảy, không gây ngập úng cục bộ.

b. Giai đoạn vận hành:

- Nước thải sinh hoạt: không có;

- Nước mưa chảy tràn: định kỳ kiểm tra, nạo vét hệ thống rãnh thoát, hệ thống thu gom, các hố ga bảo đảm tốt cho việc tiêu thoát nước.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải.

a. Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Sử dụng phương tiện giao thông đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- Các phương tiện vận chuyển chất thải, nguyên vật liệu được phủ bạt, che kín để tránh phát tán bụi ra môi trường xung quanh;
- Bố trí hợp lý tuyến đường và thời gian vận chuyển nguyên vật liệu, tránh các khung giờ cao điểm;
- Tưới nước thường xuyên trên các đoạn tuyến thi công và tuyến đường vận chuyển nguyên, vật liệu tần suất trung bình 2 lần/ngày;
- Tiến hành che bãi tập kết nguyên vật liệu;
- Bố trí khu vực rửa xe để xịt rửa, vệ sinh xe;
- Thực hiện che chắn xung quanh khu vực thi công để tránh gây ảnh hưởng tới xung quanh.

b. Giai đoạn vận hành: không có.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại.

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường.

a. Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Bố trí tại mỗi công trường thi công 03 thùng rác chuyên dụng có nắp đậy, dung tích khoảng 100 lít/thùng, đảm bảo thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Dự án; hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo quy định;
- Đất bóc hữu cơ được tập kết vào vị trí lưu giữ tạm thời tại bãi đất bằng chưa sử dụng thuộc xóm Hương Quang, xã Yên Sơn, huyện Đô Lương; cách vị trí dự án khoảng 2,0km; do UBND xã Yên Sơn quản lý với diện tích khoảng 500 m² và chiều cao cho phép không quá 1,0m;
- Chất thải xây dựng như bao xi măng, sắt thép vụn, chai lọ,... được thu gom, phân loại, tập trung để bán phế liệu. Ván, cột gỗ phục vụ xây dựng sau khi hoàn thành công trình được thu gom và bảo quản để sử dụng lại cho các công trình khác; phần chất thải không thể tận dụng được đổ thải tại bãi thải xã Văn Sơn do UBND xã Văn Sơn quản lý; diện tích khoảng 4,87 ha; chiều cao cho phép đổ không quá 1,2m; tương đương khoảng 58.440 m³, cự ly vận chuyển khoảng 2,8km;
- Định kỳ thu gom đất, cát, cặn tại bể lắng nước thải thi công và hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn, vận chuyển tập kết trong phạm vi Dự án; tận dụng

toàn bộ đất, đá, bê tông từ hoạt động giải phóng mặt bằng làm vật liệu đắp cho các hạng mục phụ trợ (san nền công trường).

b. Giai đoạn vận hành: các chất thải phát sinh trong quá trình duy tu, bảo dưỡng tuyến đường dây được đơn vị quản lý và vận hành là Điện lực Đô Lương tiến hành phân loại và có các biện pháp xử lý thích hợp, cụ thể như sau:

- Đối với thực bì phát quang hành lang an toàn lưới điện: tận thu gỗ, cành cây lớn còn lại cho người dân tận dụng làm chất đốt hoặc thuê đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển theo quy định;

- Đối với các loại dây dẫn, sứ cách điện, các thanh thép cột, các thiết bị điện khác: thu gom về kho lưu chứa để xử lý theo định của ngành điện lực;

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại.

a. Giai đoạn thi công, xây dựng:

Bố trí tại công trường thi công 04 thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích khoảng 50 lít/thùng có gắn mã phân định chất thải nguy hại theo quy định, đặt trong 01 kho chứa diện tích 3m² có gắn cảnh báo nguy hại tại công trường để thu gom, lưu chứa tất cả các loại chất thải nguy hại phát sinh, bảo đảm lưu chứa an toàn, không tràn đổ và định kỳ 03 tháng/lần chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

b. Giai đoạn vận hành: không có.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác.

a. Giai đoạn thi công, xây dựng:

* Tiếng ồn:

- Sử dụng các thiết bị đạt chất lượng đăng kiểm trong quá trình thi công; định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị thi công;

- Điều tiết lượng xe, máy móc thi công hợp lý, tránh tập trung gây ra độ ồn cộng hưởng;

- Bố trí thời gian thi công hợp lý. Không thi công hạng mục phát sinh tiếng ồn lớn vào thời gian nghỉ trưa từ 11h30 – 13h30 và ban đêm từ 21h đến 6h sáng hôm sau;

- Quy định tốc độ xe, máy móc thi công khi hoạt động tại công trường <5 km/h;

- Công nhân thi công phải được cung cấp các trang thiết bị hạn chế hoặc chống ồn.

* Độ rung:

Chống rung bằng việc hạn chế số lượng thiết bị thi công đồng thời bố trí cự ly của các thiết bị có cùng độ rung để tránh cộng hưởng.

b. Giai đoạn vận hành: không có.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác.

a. Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất: phối hợp chặt chẽ với UBND các xã: Thịnh Sơn, Văn Sơn, Yên Sơn và UBND thị trấn Đô Lương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; chỉ được triển khai thực hiện dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật;

- Biện pháp giảm thiểu tác động lên giao thông khu vực và trên tuyến đường vận chuyển: bố trí lịch thi công phù hợp, tránh tình trạng tập trung xe chuyên chở với mật độ lớn; hạn chế vận chuyển nguyên, nhiên vật liệu, đất đá đổ thải vào các khung giờ cao điểm; tuân thủ tuyệt đối quy định về tốc độ khi lưu hành trên các tuyến đường; quy định hạn chế tốc độ lưu thông tối đa trong khu vực nội bộ không vượt quá 5km/h; có biển báo hiệu công trường đang thi công và cử người hướng dẫn các phương tiện tham gia giao thông đi qua khu vực công trường đang thi công đảm bảo an toàn;

- Biện pháp giảm thiểu tác động đến kinh tế xã hội: phối hợp với chính quyền địa phương để quản lý an ninh trật tự, lưu trú của công nhân xây dựng và để bảo đảm an ninh trật tự và ngăn ngừa các tệ nạn xã hội; có quy định nghiêm ngặt với lực lượng thi công về tổ chức, ăn, nghỉ, sinh hoạt, tránh phát sinh mâu thuẫn không đáng có giữa công nhân xây dựng với nhân dân gây mất ổn định xã hội và làm giảm tiến độ Dự án.

b. Giai đoạn vận hành: không có.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

a. Giai đoạn thi công, xây dựng:

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động: thực hiện nghiêm túc quy định về quản lý an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình, phổ biến nội quy an toàn lao động đối với toàn bộ công nhân tham gia thi công; hạn chế tối đa sự tập trung quá đông các phương tiện giao thông cùng lúc, treo biển chỉ dẫn hạn chế tốc độ trong khu vực thi công tránh các tai nạn đáng tiếc xảy ra;

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ: quy định về lưu giữ vật liệu dễ cháy; bố trí bình dập lửa, bình cứu hỏa tại công trường, các phương tiện, trang thiết bị phòng chống cháy sẽ được kiểm tra, bảo trì thường xuyên; ban hành quy

định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn; thực hiện hương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ đã được cơ quan chức năng chấp thuận theo quy định;

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn giao thông đường bộ: Thực hiện nghiêm túc quy định hạn chế tốc độ di chuyển trong khu vực công trường, tốc độ lưu thông tối đa trong khu vực nội bộ không vượt quá 5 km/h; tổ chức thi công hợp lý: thi công và hoàn chỉnh dứt điểm làm đến đâu gọn đến đó đối với mỗi hạng mục công trình; lên lịch vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp và đất đá đổ thải hợp lý, hạn chế phương tiện vận tải tham gia giao thông vào các giờ cao điểm đồng thời không vận chuyển vào ban đêm.

b. Giai đoạn vận hành:

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ, điện giật:

+ Lắp đặt hệ thống nối đất và biển báo nguy hiểm, ký hiệu nguy hiểm ở tất cả các cột cao thế theo đúng quy định để cảnh báo người dân không được tiếp xúc với cột điện;

+ Bảo dưỡng thường xuyên các thiết bị an toàn xử lý kịp thời các lỗi trên đường dây. Kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng đường dây đúng thời hạn quy định.

- Biện pháp giảm thiểu điện từ trường:

+ Kiểm tra chiều cao treo dây tối thiểu đến các đối tượng theo quy định hiện hành (Điều 51 của Luật Điện lực) nhằm đảm bảo an toàn đối với sức khỏe của người dân;

+ Để đảm bảo tuyệt đối an toàn, công nhân vận hành sửa chữa phải tuân thủ quy trình vận hành để đảm bảo các yêu cầu về an toàn;

+ Đặt các biển báo hiệu nguy hiểm tại các vị trí cần thiết.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư.

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng.

- Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

+ Nội dung: thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại trong giai đoạn thi công và vận hành Dự án theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản có liên quan;

+ Tần suất giám sát: thường xuyên hàng ngày.

5.2. Giám sát giai đoạn vận hành.



- Giám sát xói mòn, sạt lở tại vị trí chôn cột, độ võng đường dây, sự cố chập cháy đường dây trên tuyến;

- Giám sát, phân loại, tập kết, chuyển giao xử lý các loại chất thải phát sinh trong quá trình bảo dưỡng bảo trì đường dây.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu sau:

6.1. Chỉ được triển khai thực hiện dự án khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

6.2. Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai và bảo vệ môi trường trong mọi hoạt động triển khai thi công.

6.4. Thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường, các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường khác như đã đề xuất.

6.5. Điều chỉnh, bổ sung nội dung của báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6.6. Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định và cung cấp thông tin về môi trường theo quy định.

6.7. Chỉ đạo UBND các xã/thị trấn: Thịnh Sơn, Văn Sơn, Yên Sơn và thị trấn Đô Lương, huyện Đô Lương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành; chỉ được phép đổ các loại đất, đá thải, phế liệu xây dựng phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án vào đúng các vị trí đã được chấp thuận; thực hiện các biện pháp quản lý, kỹ thuật bảo đảm các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển, đổ vật liệu thải.

6.8. Trong quá trình thực hiện dự án, trường hợp để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động gây ra sự cố; tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý về môi trường cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan nơi thực hiện dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý.

6.9. Cam kết thực hiện các nội dung đã thỏa thuận, thống nhất tại Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư và Văn bản ý kiến tham vấn trong quá trình lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của UBND, UBMTTQ các xã/thị trấn: Thịnh Sơn, Văn Sơn, Yên Sơn và thị trấn Đô Lương, huyện Đô Lương./.